

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố; áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị; diện tích chuyên dùng của nhà làm việc thuộc đơn vị sự nghiệp công lập

STT	Loại diện tích/Đơn vị	Diện tích tối đa (m ²)
I	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	
1	Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp thành phố	60
2	Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện	100



3	Cơ quan, tổ chức cấp xã	80
II	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân	
1	Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp thành phố	60
2	Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện	80
3	Cơ quan, tổ chức cấp xã	60
III	Diện tích sử dụng cho quản trị hệ thống công nghệ thông tin	
1	Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp thành phố	60
2	Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện	60
3	Cơ quan, tổ chức cấp xã	60
IV	Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên) không kể sân khấu, không trang bị bàn ghế: Xác định theo quy mô, biên chế được duyệt; chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.	
V	Diện tích Kho chuyên ngành và diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức: Theo chức năng, nhiệm vụ đặc thù và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam quy định diện tích cụ thể cho từng cơ quan, tổ chức.	

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập

Đối với diện tích công trình sự nghiệp lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo; diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố:

1. Sở, ban ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân quận, huyện căn cứ tiêu chuẩn, định mức của cơ quan cấp có thẩm quyền quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong quá trình sử dụng.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) căn cứ tiêu chuẩn, định mức của cơ quan cấp có thẩm quyền quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong quá trình sử dụng.

Điều 4. Xử lý chuyển tiếp

Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được xây dựng trụ sở, trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng chưa đúng (đủ) theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 2, Điều 3 Quyết định này thì không xây dựng bổ sung mà bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng CP (HN-TPHCM);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài chính;
- TT TU, TT HĐND TP;
- Ủy ban Mặt trận TQVN TP và các đoàn thể;
- Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND quận, huyện;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo Cần Thơ;
- Công báo TP;
- Công TTĐT TPCT;
- VP UBND TP (2,3,4,5,6);
- Lưu: VT, KH. *u*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tấn Hiền